

QUAN NIỆM CỦA HENRY SIDGWICK VỀ CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐẠO ĐỨC

Nguyễn Ánh Hồng Minh^(*)

^(*) Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: minhnguyen7290@gmail.com

Tóm tắt: Henry Sidgwick (1838 – 1900), triết gia Anh thế kỷ XIX, đã xác định ba phương pháp chính để đánh giá hành vi về mặt đạo đức, gồm phương pháp của thuyết vị kỷ, thuyết trực giác và thuyết công lợi (hay còn gọi là thuyết vị lợi). Mặc dù, cố gắng kết hợp và dung hòa các phương pháp đạo đức với nhau thành một hệ thống, Sidgwick vẫn nhận thấy rõ sự xung đột giữa các phương pháp này. Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích quan niệm của Henry Sidgwick về các phương pháp đạo đức, từ đó đưa ra một số nhận định chung, những đóng góp và hạn chế về mặt tư tưởng trong quan niệm của ông về các phương pháp đạo đức.

Từ khóa: phương pháp đạo đức, Henry Sidgwick, triết học đạo đức.

Ngày nhận bài: 09/08/2024; ngày phản biện: 10/08/2024; ngày sửa chữa: 12/09/2024; ngày duyệt đăng: 15/09/2024.

1. Dẫn luận

Henry Sidgwick (1838 – 1900) là nhà triết học đạo đức của thời đại Victoria có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ, đặc biệt đối với các học thuyết chính trị và đạo đức tại Anh. Tác phẩm tiêu biểu của Henry Sidgwick về đạo đức có tên là *Các phương pháp của đạo đức học* (1874) được *Từ điển Bách khoa toàn thư Triết học của Standford* đánh giá là “đâu mốc đỉnh cao của truyền thống công lợi cổ điển”. Peter Singer, triết gia công lợi đương đại cho rằng *Các phương pháp*

của đạo đức học “là cuốn sách hay nhất về đạo đức từng được viết” (Peter Singer 2016). Giống như Aristotle, Sidgwick tin rằng hệ thống tư tưởng về đạo đức không phải là những điều cao siêu, phức tạp mà nên bắt đầu với cách người bình thường nghĩ về hành vi đạo đức - cái mà ông gọi là đạo đức thông thường. Mục tiêu chính của Sidgwick khi viết cuốn *Các phương pháp của đạo đức học* (gọi tắt là *Các phương pháp*) là tiến hành một cuộc kiểm tra có hệ thống và chính xác, có tính chất giải thích và phê phán

về các phương pháp khác nhau để đạt được những xác tín hợp lý về những gì cần phải làm mà được tìm thấy một cách rõ ràng hoặc tiềm ẩn trong ý thức đạo đức của nhân loại nói chung.

Sidgwick phân biệt rõ ràng giữa nguyên tắc đạo đức và phương pháp đạo đức khi nghiên cứu, phân tích các lý thuyết đạo đức khác nhau. Theo đó, nguyên tắc đạo đức là những quy tắc hoặc tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá một hành động là đúng hay sai, tốt hay xấu về mặt đạo đức. Đây là những nguyên tắc nền tảng có thể được sử dụng để hướng dẫn hành động của con người. Chẳng hạn, trong thuyết công lợi, nguyên tắc đạo đức cơ bản là nguyên tắc tối đa hóa hạnh phúc, tức là kết quả của hành động nào mang lại nhiều hạnh phúc nhất cho số đông nhất là hành động đúng đắn nhất. Đối với thuyết trực giác, nguyên tắc đạo đức là các nghĩa vụ đạo đức cơ bản như không làm hại người khác, giữ lời hay hay đối xử công bằng; những điều này được nhận thức trực tiếp qua trực giác đạo đức. Trong khi đó, phương pháp đạo đức, theo Sidgwick, là cách thức hoặc quy trình mà chúng ta sử dụng để đánh giá các hành động dựa trên các nguyên tắc đạo đức đã có. Phương pháp này là cách tiếp cận nhằm áp dụng các nguyên tắc vào các tình huống cụ thể, để đưa ra các quyết định đạo đức đúng đắn.

Sidgwick đã xác định rõ ràng, có

ba phương pháp chính thường được sử dụng trong đạo đức thông thường để đưa ra các lựa chọn giá trị gồm thuyết trực giác, thuyết vị kỷ và thuyết công lợi. Thuyết trực giác là quan điểm cho rằng con người có thể trực tiếp nhận thức được một số hành vi là đúng hay sai và có thể nắm bắt các quy tắc đạo đức ràng buộc một cách hiển nhiên và vô điều kiện. Thuyết vị kỷ hay còn gọi là “Chủ nghĩa khoái lạc tự phụ” khẳng định rằng mỗi cá nhân nên tìm kiếm hạnh phúc tối đa cho riêng mình. Thuyết công lợi hay “Chủ nghĩa khoái lạc phổ quát” là quan điểm cho rằng mỗi người nên hành động nhằm mang lại mức độ hạnh phúc lớn nhất cho tổng thể. Sidgwick không cố gắng bảo vệ bất kỳ lý thuyết đạo đức cụ thể nào và mục tiêu của ông không chỉ đơn giản là giải thích hay miêu tả lại, mà còn muốn làm sáng tỏ, hệ thống hóa, phân tích và cải thiện những lý thuyết đạo đức quan trọng, đồng thời đề xuất các phương pháp luận chính trong nghiên cứu đạo đức học, chủ yếu là tìm cách dung hòa ba phương pháp đạo đức chính vào một hệ thống hài hòa (Henry Sidgwick 1962: 13).

Từ tinh thần trên, trong bài viết này, tác giả tập trung vào phân tích quan niệm của Sidgwick về các phương pháp đạo đức của thuyết vị kỷ, thuyết trực giác và thuyết công lợi, từ đó đưa ra một số nhận định về đóng góp của ông đối

với việc nghiên cứu đạo đức học, đồng thời chỉ ra những giá trị và hạn chế về mặt tư tưởng trong quan niệm của ông về các phương pháp đạo đức.

2. Phương pháp đạo đức của thuyết vị kỷ

Trong tác phẩm *Các phương pháp của đạo đức* (1874), Henry Sidgwick đã thảo luận về nhiều phương pháp tiếp cận đạo đức, trong đó có thể hiện một góc nhìn sắc bén và phân tích kỹ lưỡng về thuyết vị kỷ (Egoism), coi đây là một trong ba phương pháp chính để hiểu về đạo đức, bên cạnh phương pháp của thuyết trực giác và thuyết công lợi.

Theo Sidgwick, thuyết vị kỷ là phương pháp đạo đức trong đó lợi ích cá nhân của mỗi người là mục tiêu tối thượng. Một hành động được coi là đạo đức nếu nó mang lại lợi ích tốt nhất cho cá nhân người thực hiện. Nói cách khác, mỗi cá nhân có lý do đạo đức chính đáng để theo đuổi hạnh phúc và lợi ích riêng của mình, không nhất thiết phải đặt lợi ích của người khác lên hàng đầu. Sidgwick không bác bỏ hoàn toàn tính hợp lý của thuyết vị kỷ. Ông thừa nhận rằng mỗi cá nhân có lý do hợp lý để theo đuổi lợi ích của chính mình. Lý thuyết vị kỷ có thể cung cấp những lời giải thích nhất định cho động cơ hành động của con người vì bản năng tự nhiên thường hướng chúng ta đến việc tìm kiếm hạnh phúc và tránh đau khổ.

Tuy nhiên, Sidgwick nhận thấy có một vấn đề cơ bản khi so sánh thuyết vị kỷ với các phương pháp đạo đức khác, cụ thể là thuyết công lợi và thuyết trực giác. Thuyết vị kỷ và thuyết công lợi có điểm chung là cùng dựa trên việc tối đa hóa hạnh phúc, nhưng có một sự khác biệt quan trọng là thuyết công lợi nhấn mạnh việc tối đa hóa hạnh phúc chung cho tất cả mọi người, trong khi thuyết vị kỷ chỉ nhắm đến hạnh phúc của cá nhân. Điều này dẫn đến một mâu thuẫn khó giải quyết, đó là liệu cá nhân nên hành động vì lợi ích riêng của mình, hay vì lợi ích của tất cả mọi người? Đây chính là mâu thuẫn lớn nhất của thuyết vị kỷ mà Sidgwick nhận diện được, đó là sự xung đột giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của cộng đồng. Mặc dù thuyết vị kỷ khuyến khích cá nhân theo đuổi lợi ích riêng, lý thuyết này không thể giải quyết vấn đề đạo đức khi lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với lợi ích của người khác hoặc của xã hội. Sidgwick chỉ ra một hạn chế dễ nhận thấy là nếu chỉ tuân theo thuyết vị kỷ, xã hội có thể rơi vào tình trạng hỗn loạn khi mỗi người chỉ hành động theo lợi ích cá nhân mà không quan tâm đến người khác.

Sidgwick cũng nhận thấy rằng thuyết vị kỷ không thể được dung hòa với thuyết công lợi hoặc thuyết trực giác một cách rõ ràng. Chẳng hạn, thuyết công lợi yêu cầu chúng ta hành động

để tối đa hóa hạnh phúc của tất cả mọi người, trong khi thuyết vị kỷ lại yêu cầu tập trung vào lợi ích của cá nhân. Sidgwick cho rằng không có cách nào để giải quyết được mâu thuẫn cơ bản này giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung mà không làm mất đi tính nhất quán của lý thuyết. Chính vì vậy, từ việc phân tích phương pháp của thuyết vị kỷ và nỗ lực dung hòa nó với các phương pháp đạo đức khác, Sidgwick đã đưa ra được một luận điểm mới, đó là “nhị nguyên của lý trí thực tiễn” (the dualism of practical reason) khi lý trí cùng một lúc đưa ra hai yêu cầu mâu thuẫn nhau: Một là theo đuổi lợi ích cá nhân (thuyết vị kỷ), và hai là theo đuổi lợi ích chung (thuyết công lợi). Cả hai đều có cơ sở hợp lý riêng biệt và đều có giá trị, nhưng chúng lại dẫn đến những hệ quả khác nhau trong thực tiễn đạo đức.

Như vậy, Sidgwick đã thừa nhận tính hợp lý nhất định của thuyết vị kỷ trong việc giải thích động cơ hành động cá nhân. Tuy nhiên, ông cũng chỉ ra những hạn chế lớn của nó khi đối diện với các vấn đề đạo đức phức tạp hơn, đặc biệt là khi cần cân nhắc giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung. Sidgwick cho rằng, mặc dù thuyết vị kỷ có tính thuyết phục ở mức độ cá nhân, nhưng nó không thể cung cấp một nền tảng đạo đức phổ quát và bền vững cho xã hội, và ông tiếp tục tìm cách dung hòa giữa lý trí cá nhân và

lý trí xã hội thông qua các phương pháp đạo đức khác, cụ thể là thuyết công lợi.

Khi bàn về thuyết vị kỷ - lý thuyết cho rằng hạnh phúc và lợi ích của bản thân là mục đích cuối cùng của hành động của mỗi cá nhân, Sidgwick cũng bản khoăn rằng, liệu lý thuyết này có nên được xem như là một phương pháp của đạo đức không, bởi theo ý thức chung, chủ nghĩa vị kỷ đơn thuần khó có thể trở thành nền tảng vững chắc cho một hệ thống đạo đức. Mặc dù vậy, trong phần II tác phẩm *Các phương pháp*, Sidgwick đã chỉ ra, không quá khi nói theo lẽ thông thường, những hành động “có lợi”, có xu hướng thúc đẩy hạnh phúc của cá nhân là hợp lý ngay từ đầu. Ông cũng thừa nhận rằng các khái niệm chung như “lợi ích”, “hạnh phúc”, v.v thường mang tính mơ hồ và không rõ ràng (Henry Sidgwick 1962: 120), do đó, việc nỗ lực để làm cho những thuật ngữ này trở nên chính xác hơn, đặc biệt khi đối chiếu, so sánh giữa lợi ích, hạnh phúc, khoái lạc, khổ đau của nhiều người khác nhau dù có tiêu chí cụ thể cũng sẽ trở nên rất khó khăn. Ở khía cạnh này, phương pháp của thuyết vị kỷ có ưu điểm nhất định khi loại trừ được nhiều sự mơ hồ và thiếu nhất quán để đưa ra hình thức đánh giá chính xác khi kiểm tra xem hành động nào là đáng được lựa chọn. Như vậy, theo Sidgwick, một người theo thuyết vị kỷ có hai hoặc

nhiều phương án hành động lựa chọn, có khả năng xác định chính xác nhất có thể mức độ khoái lạc và đau khổ có thể xảy ra từ mỗi phương án, và chọn phương án mà họ tin rằng sẽ mang lại cho bản thân nhiều khoái lạc hơn đau khổ (Henry Sidgwick 1962:121).

Tuy nhiên, Sidgwick cũng chỉ ra rằng việc áp dụng nguyên tắc cơ bản của thuyết vị kỷ không có nghĩa là cá nhân chỉ tìm kiếm niềm vui hoặc hạnh phúc ích kỷ cho riêng mình. Một người vị kỷ vẫn hoàn toàn có thể hướng đến hạnh phúc lớn nhất nếu điều này nằm trong mục tiêu, tầm với của họ, nhưng sẽ không cố gắng xác định bằng kinh nghiệm xem có bao nhiêu niềm vui và nỗi buồn có thể đi kèm với bất kỳ quá trình hành động nào. Cụ thể, theo phương pháp đạo đức của thuyết vị kỷ, mỗi cá nhân đều tin tưởng rằng họ có phương pháp suy diễn chắc chắn và hiệu quả để xác định hành vi sẽ khiến mình hạnh phúc nhất về lâu dài (Henry Sidgwick 1962: 121). Tuy nhiên, với phương pháp suy diễn như vậy, những người theo thuyết vị kỷ sẽ cần dựa vào kinh nghiệm thông thường, ít nhất là để cung cấp sự xác nhận và thừa nhận rằng chỉ có cá nhân trực tiếp trải nghiệm mới biết được sự dễ chịu và đau đớn của những khoái lạc/niềm vui hay nỗi đau. Như vậy, *thuyết vị kỷ chủ yếu sử dụng phương pháp phản ánh kinh nghiệm để*

cân nhắc kết quả hành động về mặt đạo đức. Do đó, Sidgwick cho rằng tốt nhất nên xem xét phương pháp này ngay từ đầu để xác định rõ ràng các giả định mà nó bao hàm và ước tính độ chính xác của kết quả.

3. Phương pháp đạo đức của thuyết trực giác

Sidgwick cho rằng con người có thể nhận thức được một số nguyên tắc đạo đức cơ bản thông qua trực giác, không cần đến kinh nghiệm hay lý luận, theo đó, tính đúng đắn của các hành động thường được xác định chỉ bằng cách “nhìn vào” chính các hành động đó, mà không xem xét đến hậu quả tiềm ẩn của chúng (Henry Sidgwick 1962: 201). Đó là những nguyên tắc mà ta có thể nhận biết một cách trực tiếp là đúng mà không cần phải chứng minh. Trực giác ở đây không phải là cảm giác mơ hồ hay bản năng, mà là sự nhận thức rõ ràng về các giá trị đạo đức mà Sidgwick gọi là những “chân lý tự hiển nhiên” (self-evident truths) (Henry Sidgwick 1962: 338) - đó là những nguyên tắc mang tính phổ quát, áp dụng cho tất cả mọi người. Chẳng hạn, nguyên tắc “ta phải làm những gì mà ta tin là đúng” là một chân lý hiển nhiên mà con người có thể nhận ra thông qua trực giác đạo đức. Sidgwick nhấn mạnh rằng trực giác đạo đức không chỉ đơn thuần là cảm xúc hay ý muốn nhất thời, mà là kết quả của lý

trí. Nó có thể đưa ra các phán đoán về các nguyên tắc đạo đức tổng quát và trừu tượng hơn, như nghĩa vụ hay trách nhiệm. Ông phản đối các quan niệm cho rằng đạo đức chỉ đơn giản dựa trên sở thích hay lợi ích cá nhân.

Mặc dù Sidgwick thừa nhận rằng trực giác có thể giúp nhận ra các nguyên tắc đạo đức cơ bản, song ông cũng phê phán các hình thức cực đoan của thuyết trực giác trước đó. Cụ thể, ông không đồng ý với các triết gia theo chủ nghĩa trực giác khi cho rằng mọi quyết định đạo đức đều có thể được giải quyết bằng trực giác mà không cần suy xét thêm. Sidgwick cho rằng trực giác chỉ nên được dùng để xác định các nguyên tắc đạo đức chung; việc áp dụng chúng vào thực tế cần phải kết hợp với lý luận và phân tích cẩn thận. Ông nhấn mạnh những châm ngôn đạo đức thông thường có thể chỉ dẫn thực tế trong các hoàn cảnh cụ thể, nhưng không đủ khả năng để nâng lên thành tiền đề khoa học, một hệ thống đạo đức trực quan vì điều này chỉ làm lộ rõ những khiếm khuyết không thể tránh khỏi của thuyết trực giác (Henry Sidgwick 1962: 361). Đó là cuối cùng phải dựa vào các lực lượng siêu nhiên bên ngoài như Chúa trời hoặc Thượng đế để lý giải cho các nguyên tắc đạo đức trực giác, không thì cũng chỉ có thể viện dẫn đến lương tâm - thuật ngữ phổ biến được chấp nhận để chỉ khả năng phán

đoán đạo đức, được áp dụng cho các hành động và động cơ của người phán đoán. Do đó, khi một người được yêu cầu tin tưởng vào lương tâm của mình, điều đó có nghĩa là họ nên thực hiện khả năng phán đoán đạo đức về trường hợp cụ thể mà không cần tham khảo các quy tắc chung. Theo Sidgwick, chính quan điểm này về lương tâm có thể dẫn đến “lý lẽ nguy hiểm” rằng chúng ta không cần bất kỳ quy tắc chung hoặc đạo đức khoa học nào. Tất nhiên, chúng ta có thể hình thành các quy tắc chung bằng cách quy nạp từ những phán đoán có lương tâm cụ thể và sắp xếp chúng một cách có hệ thống, tuy nhiên, một hệ thống như vậy vẫn có thể chỉ mang tính suy đoán, chủ quan. Đây là lý do tại sao một số người tin vào lương tâm hơn là một hệ thống đạo đức vì họ sợ rằng việc tra dồi một hệ thống nhất định có thể khiến tâm trí có thái độ sai lầm khi thực hành đưa ra các phán đoán đạo đức cụ thể. Quan điểm như vậy được Sidgwick gọi là “siêu trực giác”, vì ở dạng cực đoan nhất, nó chỉ thừa nhận những trực giác đơn giản và cho rằng mọi phương pháp lý luận đối với kết luận đạo đức đều là thừa thãi. Ông gọi đây là một trong những giai đoạn của phương pháp trực giác với một phán đoán duy nhất. Sidgwick mô tả về ba giai đoạn của thuyết trực giác gồm nhận thức, giáo điều và triết học, trong đó, ông chỉ trình

bày về giai đoạn triết học với tư cách một vấn đề không thể lường trước được với nhiều giải pháp có thể thử nghiệm, nhưng dường như lại không mong muốn tìm hiểu thêm về nó vào thời điểm hiện tại. Do đó, luận điểm của Sidgwick về phương pháp của thuyết trực giác còn khá mơ hồ, chưa rõ ràng.

Một trong những điểm đặc sắc trong tư tưởng đạo đức của Sidgwick là đã cố gắng dung hòa thuyết trực giác với thuyết công lợi. Thuyết trực giác trái ngược với thuyết công lợi ở chỗ không hề đưa ra phán đoán hành động dựa trên các tiêu chuẩn bên ngoài, mà cho rằng đạo đức phải xuất phát từ bên trong, liên quan đến trạng thái tinh thần khi thực hiện hành động, cụ thể là từ “ý định” và “động cơ” (Henry Sidgwick 1962: 201). Mặc dù ủng hộ các nguyên tắc trực giác, nhưng ông cũng cho rằng thuyết công lợi với nguyên tắc “tối đa hóa hạnh phúc cho số đông” cũng có vai trò quan trọng trong lý thuyết đạo đức. Vì vậy, Sidgwick đã tìm cách xác định những nguyên tắc đạo đức thông qua trực giác có khả năng hỗ trợ cho nguyên tắc tối đa hóa lợi ích chung. Ông giả định cơ bản rằng chúng ta có thể phân biệt một số quy tắc chung nhất định bằng trực giác thực sự rõ ràng và cuối cùng trở thành hợp lệ, được ngầm định trong lý luận đạo đức của những người bình thường. Họ hiểu những quy tắc này một cách

đầy đủ cho hầu hết các mục đích thực tế và có thể diễn đạt chúng một cách sơ lược. Tuy nhiên, để diễn đạt những lý thuyết này một cách chính xác, cần phải suy ngẫm rõ ràng và thường xuyên như một thói quen về các khái niệm đạo đức trừu tượng. Đây được xem là nhiệm vụ của các nhà đạo đức học: thực hiện quá trình suy ngẫm trừu tượng này, sắp xếp các kết quả một cách có hệ thống nhất và cung cấp các định nghĩa cùng giải thích phù hợp nhằm loại bỏ sự mơ hồ và ngăn ngừa xung đột. Sidgwick khẳng định một hệ thống lý thuyết như vậy chính là phương pháp của thuyết trực giác (Henry Sidgwick 1962: 98).

Nhìn chung, Sidgwick không hoàn toàn bác bỏ các nguyên tắc đạo đức dựa trên thuyết trực giác. Ông cho rằng trực giác có thể cung cấp cho chúng ta những nguyên tắc đạo đức cơ bản như công bằng, trung thực, và giữ lời hứa. Tuy nhiên, khi áp dụng vào những tình huống cụ thể và phức tạp, chúng ta cần sử dụng thêm phương pháp của thuyết công lợi để đánh giá hậu quả và đưa ra quyết định. Sidgwick cố gắng kết hợp phương pháp của thuyết công lợi với thuyết trực giác để tạo ra một hệ thống đạo đức vừa có tính lý thuyết vững chắc, vừa có tính thực tiễn. Ông khẳng định, trực giác có thể giúp chúng ta định hướng trong những tình huống đơn giản, nhưng trong các tình huống phức

tạp, chúng ta cần tính toán hậu quả dựa trên phương pháp của thuyết công lợi.

4. Phương pháp đạo đức của thuyết công lợi

Sidgwick đã có những đóng góp quan trọng đối với thuyết công lợi, bởi không chỉ bàn về nguyên tắc công lợi, mà còn phát triển một phương pháp đạo đức để áp dụng nguyên tắc này, đồng thời phân tích những vấn đề liên quan đến hệ thống đạo đức này. Theo Sidgwick, thuật ngữ “thuyết công lợi” (utilitarianism) dùng để chỉ lý thuyết đạo đức cho rằng một hành vi được cho là đúng khách quan trong bất kỳ hoàn cảnh nào khi hành vi đó dẫn đến việc tạo ra mức độ hạnh phúc lớn nhất cho toàn bộ, tức là có tính đến tất cả những người có hạnh phúc bị ảnh hưởng bởi hành vi đó. Sidgwick gọi những nguyên lý và phương pháp dựa trên lý thuyết này là “chủ nghĩa khoái lạc phổ quát” (Henry Sidgwick 1962: 411) và khẳng định lý thuyết này đối lập và khác biệt hoàn toàn với thuyết vị kỷ được trình bày trước đó trong Phần II của tác phẩm *Các phương pháp*.

Sidgwick tóm tắt nguyên tắc công lợi với các ý chính cụ thể như sau: *Một là*, vấn đề “tối đa hóa hạnh phúc”, theo đó, hành động đúng là hành động tạo ra hạnh phúc lớn nhất cho nhiều người nhất. Hạnh phúc được Sidgwick hiểu là sự khoái lạc (pleasure) và tránh đau khổ.

Ông đồng tình với quan điểm truyền thống của các vị tiền bối như Jeremy Bentham và John Stuart Mill về khái niệm này. *Hai là*, đảm bảo công bằng và bình đẳng khi thực hiện nguyên tắc công lợi, tức là hạnh phúc của mọi người đều quan trọng như nhau, không phân biệt ai. Khi đưa ra quyết định, chúng ta cần quan tâm đến hạnh phúc của tất cả mọi người, không thiên vị bản thân hay bất kỳ ai khác (Henry Sidgwick 1962: 412-417). Từ đó, Sidgwick đã phát triển một phương pháp đạo đức để áp dụng nguyên tắc đạo đức công lợi vào thực tế. Phương pháp này bao gồm các bước như sau:

Thứ nhất, đánh giá hậu quả của hành động. Sidgwick nhấn mạnh rằng trong thuyết công lợi, để xác định hành động đúng, chúng ta phải tính toán và so sánh hậu quả của các lựa chọn hành động khác nhau. Hành động đúng là hành động tạo ra nhiều hạnh phúc nhất và ít đau khổ nhất (Henry Sidgwick 1962: 411-412).

Thứ hai, cân nhắc tất cả những người sẽ bị ảnh hưởng bởi hành động (Henry Sidgwick 1962: 461-462). Theo Sidgwick, phương pháp của thuyết công lợi yêu cầu cân nhắc không chỉ hậu quả đối với bản thân mà còn đối với tất cả những người bị ảnh hưởng. Hạnh phúc của mỗi cá nhân đều quan trọng như nhau.

Thứ ba, đảm bảo tính dài hạn.

Sidgwick cũng nhấn mạnh rằng không chỉ hậu quả trước mắt mà cả hậu quả dài hạn của hành động đều phải được xem xét (Henry Sidgwick 1962: 469). Hành động có thể mang lại lợi ích tức thời nhưng gây ra tổn thất lâu dài thì không phải là hành động tốt theo thuyết công lợi.

Thứ tư, đưa ra quyết định dựa trên sự tính toán hợp lý. Sidgwick cho rằng chúng ta cần phải sử dụng lý trí và các dữ liệu có sẵn để tính toán các hậu quả và đưa ra quyết định. Điều này đòi hỏi sự suy nghĩ cẩn thận và không nên dựa quá nhiều vào cảm xúc hoặc trực giác (Henry Sidgwick 1962: 467).

Sidgwick quan niệm “hạnh phúc lớn nhất” là thặng dư lớn nhất có thể của niềm vui so với nỗi buồn hoặc nỗi đau trong tương quan cân bằng và ngang nhau về lượng, do đó, hai lượng tương phản này (niềm vui và nỗi buồn) triệt tiêu lẫn nhau khi đánh giá đạo đức của một hành động nhằm bảo đảm rằng lượng niềm vui lớn hơn nỗi buồn. Tất nhiên, ông đã giả định mọi niềm vui và đau khổ có thể được so sánh về mặt định lượng, với mỗi cảm giác đều có một lượng cường độ nhất định, tích cực hoặc tiêu cực (hoặc có lẽ là bằng không), liên quan đến mức độ mong muốn của nó, và lượng này có thể được đánh giá ở mức độ nào đó. Nói cụ thể hơn, mỗi cảm giác có thể được cân nhắc sơ bộ

trên các thang đo lý tưởng so với bất kỳ cảm giác nào khác. Giả định này liên quan đến chính khái niệm “hạnh phúc tối đa” vì nỗ lực tạo ra “càng nhiều càng tốt” một tổng các yếu tố không thể so sánh được về mặt định lượng sẽ vô lý về mặt toán học. Do đó, trong tư tưởng của Sidgwick về nguyên tắc và phương pháp đạo đức của thuyết công lợi, giả định này là điều kiện tiên quyết (Henry Sidgwick 1962: 413–417).

Tiếp theo, Sidgwick nhấn mạnh “tất cả” – bao gồm tất cả mọi người, cần được xem xét khi đánh giá hạnh phúc. Với đặc trưng phổ quát của nguyên tắc đạo đức công lợi, đã được mở rộng trước đó bởi Jeremy Bentham và John Stuart Mill - chấp nhận mở rộng phạm vi quan tâm của nguyên tắc đạo đức công lợi đến tất cả những sinh vật có khả năng hưởng khoái lạc và chịu khổ đau do hành vi của con người gây ra, vì cảm xúc của chúng ta có thể bị ảnh hưởng bởi điều này, không chỉ giới hạn ở hạnh phúc của con người. Quan điểm này tiếp tục được Sidgwick ủng hộ vì ông cũng cho rằng đó là biểu hiện của cái Thiện phổ quát, được diễn giải và định nghĩa là “hạnh phúc” hoặc “khoái lạc” là nhiệm vụ của mỗi người theo chủ nghĩa công lợi và cho rằng loại trừ khoái lạc của bất kỳ sinh vật có tri giác nào là không hợp lý. Tuy nhiên, Sidgwick cũng thừa nhận rằng, việc mở rộng khái

niệm như vậy đã làm gia tăng đáng kể những khó khăn về mặt khoa học khi so sánh khoái lạc, vì việc so sánh chính xác khoái lạc và đau khổ của người khác với của chúng ta là khó khăn thì việc so sánh chúng với lạc thú và đau khổ của loài vật càng phức tạp hơn. Mặc dù vậy, Sidgwick cho rằng việc giới hạn sự chú ý của các nguyên tắc và phương pháp đạo đức vào con người và bỏ qua khoái lạc, khổ đau của loài vật không giúp chúng ta giải quyết vấn đề, bởi vì phạm vi hạnh phúc của các chủ thể vẫn chưa được xác định hoàn toàn (Henry Sidgwick 1962: 413 – 417). Theo Sidgwick, cần xem xét vấn đề tương quan lợi ích giữa thể hệ hiện tại và thể hệ sau, và thời điểm một người tồn tại không thể ảnh hưởng đến giá trị hạnh phúc của người đó theo quan điểm phổ quát, vì vậy không có sự xung đột quá lớn về lợi ích, chủ yếu cần tính đến tác động từ hành động của một người đối với thể hệ sau. Sidgwick cho rằng, đối với con người nói chung, cuộc sống hạnh phúc là mang lại sự cân bằng tích cực giữa niềm vui và nỗi đau dù trong phần lớn trường hợp thông thường, con người sẽ coi cái chết là một trong những điều tồi tệ nhất đối với bản thân hoặc những người họ yêu thương. Vậy thì, giả sử rằng hạnh phúc trung bình của con người là một đại lượng dương và không giảm, theo nguyên tắc của thuyết công lợi, con người cần hành

động để làm cho số lượng người hưởng hạnh phúc càng lớn càng tốt. Tuy nhiên, Sidgwick cũng lưu ý nếu chúng ta tính toán trước được rằng sự gia tăng về số lượng người (số đông nhất) sẽ đi kèm với sự giảm sút về hạnh phúc trung bình hoặc ngược lại, để tối đa số lượng người được hưởng hạnh phúc tích cực, chúng ta phải cân nhắc lượng hạnh phúc đạt được từ số lượng tăng thêm so với lượng hạnh phúc mất đi của số còn lại (Henry Sidgwick 1962: 417 – 418). Đây cũng là điều mà những người theo thuyết công lợi thường bỏ qua, Sidgwick thì lưu tâm tới sự cân đối, hài hòa của hạnh phúc chứ không chỉ là lượng hóa.

Nhìn chung, Sidgwick cố gắng giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến việc áp dụng phương pháp đạo đức của thuyết công lợi vào đời sống thực. Ông nhận thấy rằng mặc dù nguyên tắc công lợi là một hướng dẫn hợp lý nhưng có nhiều khó khăn trong việc áp dụng nó một cách chính xác, nhất là trong việc dự đoán hậu quả và giải quyết xung đột giữa các lợi ích. Sidgwick không chỉ bảo vệ mà còn phân tích những hạn chế trong phương pháp đạo đức của thuyết công lợi. Cụ thể, ông thừa nhận rằng phương pháp của thuyết công lợi có thể tạo ra sự mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung. Chẳng hạn, một hành động có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng nhưng lại không mang

lại lợi ích cho cá nhân thực hiện hành động đó. Điều này liên quan đến một trong những vấn đề mà Sidgwick đã đề cập ở phương pháp của thuyết vị kỷ, đó là “nghị nguyên của lý trí”. Bên cạnh đó, Sidgwick chỉ ra rằng phương pháp của thuyết công lợi không thể cung cấp những giải pháp rõ ràng khi cần giải quyết những vấn đề đạo đức trong một số trường hợp đặc biệt.

5. Một số nhận định

Trong phần lớn cuốn sách 500 trang *Các phương pháp*, Sidgwick đã nỗ lực phân tích và đánh giá từng phương pháp của thuyết vị kỷ, thuyết trực giác và thuyết công lợi, đồng thời tìm cách kết hợp chúng lại trong một hệ thống đạo đức thống nhất. Ông xác định các vấn đề với từng phương pháp và nhận thấy rằng cả ba phương pháp này đều có những giá trị nhất định trong việc định hướng đạo đức con người, tuy nhiên, chúng có thể mâu thuẫn với nhau trong các tình huống thực tiễn.

Sidgwick cho rằng hai phương pháp - thuyết trực giác và thuyết công lợi - hoàn toàn có thể được dung hòa. Theo ông, các nguyên tắc đạo đức trực giác có thể cung cấp những hướng dẫn sơ khởi, nhưng khi đối mặt với các tình huống phức tạp, chúng ta cần sử dụng lý trí và phương pháp của thuyết công lợi để đánh giá hậu quả và đưa ra quyết định đúng đắn. Điều này giúp Sidgwick xây

dựng một nền tảng đạo đức có tính thực tiễn và linh hoạt. Bên cạnh đó, ông đã bảo vệ và làm sâu sắc thêm thuyết công lợi bằng cách phát triển một phương pháp đạo đức để tính toán và cân nhắc, đánh giá hậu quả dài hạn của các hành động nhằm tối đa hóa hạnh phúc, đồng thời không được thiên vị ai trong quá trình đó. Ông đặc biệt nhấn mạnh tính khách quan và sự hợp lý trong việc ra quyết định đạo đức. Mặc dù thừa nhận những hạn chế của thuyết công lợi, Sidgwick vẫn coi đây là một hệ thống đạo đức hợp lý, có khả năng ứng dụng rộng rãi và cần thiết kết hợp với phương pháp đạo đức của thuyết trực giác để xây dựng một hệ thống đạo đức toàn diện hơn.

Mặc dù các nhà trực giác học thường khẳng định rằng các nguyên tắc đạo đức của mình là “tự hiển nhiên” nhưng thực ra không phải như vậy dù cho vẫn có một số ít các tiên đề đạo đức thực sự rõ ràng và không thể chối cãi. Theo Sidgwick, những điều này hóa ra hoàn toàn tương thích với thuyết công lợi và trên thực tế là cần thiết để cung cấp cơ sở hợp lý cho thuyết công lợi. Hơn nữa, Sidgwick lập luận, thuyết trực giác ở dạng dễ bảo vệ nhất của nó đã hòa hòa với những tiên giả định thực dụng tiềm ẩn. Do đó, trái ngược với những gì mà hầu hết các nhà đạo đức học đã tin tưởng, không có xung đột cơ bản nào

giữa thuyết trực giác và thuyết công lợi.

Vấn đề nằm ở việc kết hợp phương pháp của thuyết công lợi với phương pháp của thuyết vị kỷ. Sidgwick tin rằng các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa vị kỷ (theo đuổi hạnh phúc lớn nhất của riêng bạn) và chủ nghĩa công lợi (thúc đẩy hạnh phúc chung) đều là hiển nhiên. Giống như nhiều nhà đạo đức học trước đây, ông cho rằng tư lợi và đạo đức trùng khớp trong phần lớn các trường hợp, tuy nhiên, có thể chứng minh rằng chúng luôn luôn trùng hợp hay không? Sidgwick lập luận rằng không thể, bởi có những lúc, chẳng hạn, khi lợi ích chung có thể đòi hỏi sự hy sinh lợi ích cá nhân (ví dụ xả thân cứu một người đồng đội). Cách duy nhất mà nghĩa vụ và lợi ích cá nhân nhất thiết phải hòa quyện với nhau là nếu có một Đức Chúa Trời tồn tại, và thông qua các hình phạt và phần thưởng thích hợp Ngài đảm bảo rằng việc làm theo đạo đức luôn nằm trong lợi ích lâu dài cho cá nhân. Tuy nhiên, Sidgwick cho rằng sự hấp dẫn đối với tôn giáo là không phù hợp với triết học đạo đức, mà nên hướng tới việc trở thành “khoa học” bằng cách loại trừ các giả định thần học hoặc siêu nhiên. Sidgwick tuyên bố, kết quả khá đáng buồn là có một “mâu thuẫn cơ bản” trong ý thức đạo đức của chúng ta, một “thuyết nhị nguyên về lý trí”. Trực giác đạo đức của bản thân nói với chúng ta bằng hai giọng trái ngược

nhau và không có cách nào rõ ràng để giải quyết sự xung đột này.

Có thể nói, một trong những đóng góp quan trọng nhất của Sidgwick là việc ông phân tích cái gọi là “nhị nguyên của lý trí”. Đây là sự mâu thuẫn rõ nét nhất giữa thuyết vị kỷ và thuyết công lợi mà Sidgwick đã chỉ ra, theo đó, lý trí có thể dẫn dắt một người tới hai hệ thống đạo đức trái ngược: Một mặt, lý trí có thể khuyến khích người ta theo đuổi lợi ích cá nhân (thuyết vị kỷ). Mặt khác, lý trí cũng có thể yêu cầu người ta hành động vì lợi ích chung của tất cả (thuyết công lợi). Sidgwick nhận thấy không có cách thức cụ thể và rõ ràng để dung hòa hai khía cạnh này của lý trí. Điều này là một vấn đề cơ bản mà ông cho rằng triết học đạo đức cần phải giải quyết. Ông không đưa ra giải pháp dứt khoát, nhưng việc ông chỉ ra vấn đề này đã mở ra các cuộc tranh luận quan trọng trong triết học đạo đức hiện đại.

Mặc dù có nhiều đóng góp quan trọng, song quan niệm của Sidgwick về các phương pháp đạo đức vẫn gặp phải một số hạn chế và khó khăn nhất định, chủ yếu xoay quanh sự không nhất quán trong việc dung hòa các phương pháp đạo đức khác nhau và thất bại trong việc giải quyết các mâu thuẫn triết học. Cụ thể như sau:

Một là, Sidgwick không giải quyết được tính nhị nguyên của lý trí giữa

thuyết vị kỷ và thuyết công lợi.

Một trong những đóng góp quan trọng của Sidgwick là phát hiện ra “nhị nguyên của lý trí” (hay có thể gọi là sự phân đôi của lý trí) giữa phương pháp đạo đức của thuyết vị kỷ và thuyết công lợi. Ông nhận thấy lý trí có thể ủng hộ cả hai hệ thống đạo đức này và không thể tìm ra một giải pháp thuyết phục để dung hòa mâu thuẫn giữa hai lý thuyết này. Sidgwick cho rằng cả hai hệ thống đạo đức đều có cơ sở hợp lý nhưng mâu thuẫn với nhau trong thực tiễn hành động. Việc ông không giải quyết được sự mâu thuẫn này được coi là một hạn chế lớn, khiến hệ thống đạo đức của ông trở nên thiếu hoàn chỉnh và không thống nhất.

Hai là, Sidgwick vẫn chưa thực sự chứng minh được, thậm chí mơ hồ về vai trò của đạo đức trực giác.

Sidgwick đã nỗ lực đưa ra phương án dung hòa giữa phương pháp đạo đức của thuyết trực giác và thuyết công lợi, cho rằng con người có thể dựa vào trực giác để nhận thức những nguyên tắc đạo đức cơ bản, chẳng hạn như “mỗi người nên được đối xử bình đẳng”. Tuy nhiên, ông cũng nhận ra rằng trực giác không phải lúc nào cũng rõ ràng và thậm chí có thể không đáng tin cậy. Hạn chế ở đây là Sidgwick không thể đưa ra một tiêu chuẩn rõ ràng để phân biệt những trực giác đạo đức đúng đắn và những trực giác bị sai lệch. Điều này dẫn đến việc

ông phải chấp nhận rằng trực giác chỉ hữu ích trong một số trường hợp nhất định, nhưng không thể dựa hoàn toàn vào nó để xây dựng một hệ thống đạo đức đầy đủ. Về điểm này, một số học giả nhận định Sidgwick “không cung cấp lý giải chính xác về sự hình thành niềm tin đạo đức trong tâm lý xã hội qua các thế hệ” (B. Miller và các cộng sự 1982: 9).

Ba là, hệ thống lý thuyết đạo đức của ông gặp khó khăn trong việc ứng dụng vào thực tiễn.

Mặc dù Sidgwick xây dựng lý thuyết đạo đức dựa trên tính hợp lý và khả năng suy xét lý trí, hệ thống đạo đức của ông, đặc biệt là phương pháp của thuyết công lợi, gặp khó khăn trong việc áp dụng vào thực tế. Nguyên tắc và phương pháp của thuyết công lợi yêu cầu con người hành động sao cho tối đa hóa hạnh phúc cho tất cả mọi người, nhưng điều này thường rất khó thực hiện trong các tình huống thực tiễn, nơi mà lợi ích cá nhân và lợi ích của số đông có thể xung đột trực tiếp. Ngoài ra, việc phải đánh giá và so sánh mức độ hạnh phúc của nhiều người để đưa ra quyết định đạo đức cũng gặp khó khăn trong thực tế. Quan niệm của Sidgwick về các phương pháp đạo đức mặc dù có tính lý luận cao, song lại quá trừu tượng và thiếu sự tiếp cận cụ thể đối với các vấn đề đạo đức thường ngày. Ông tập trung nhiều vào các nguyên tắc, phương pháp

trừu tượng và lý thuyết nhưng ít chú ý đến các tình huống thực tế hoặc cách áp dụng lý thuyết của mình vào đời sống. Điều này khiến cho tư tưởng đạo đức của Sidgwick khó tiếp cận đối với người đọc phổ thông và khó áp dụng vào thực tiễn đời sống.

6. Kết luận

Henry Sidgwick đã có đóng góp lớn vào sự phát triển của triết học đạo đức, đặc biệt là thông qua việc phân tích và so sánh ba hệ thống đạo đức quan trọng là thuyết công lợi, thuyết trực giác và thuyết vị kỷ. Trong cuốn sách *Sổ tay Cambridge về Thuyết công lợi*, các tác giả nhận định “Đóng góp chính của Sidgwick cho triết học, không còn nghi ngờ gì nữa, chính là tác phẩm *Các phương pháp*, đã tái bản nhiều lần” (Eggleston và cộng sự 2014: 81). Sidgwick đã chỉ ra sự mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung trong đạo đức, đồng thời cố gắng phát triển một phương pháp đạo đức khách quan và có tính phổ quát. Tư tưởng về đạo đức của Sidgwick nói chung và quan niệm của ông về các phương pháp đạo đức nói riêng đã có ảnh hưởng lâu dài đến triết học đạo đức hiện đại, tiếp tục là nền tảng quan trọng trong các cuộc tranh luận về đạo đức. Mặc dù vậy, hệ thống tư tưởng về đạo đức của Sidgwick vẫn tồn tại một số hạn chế như khó khăn trong việc dung hòa giữa thuyết vị kỷ và thuyết công lợi, sự mơ hồ trong vai trò của trực

giác và sự trừu tượng trong lý thuyết của ông. Điều này khiến lý thuyết đạo đức của Sidgwick chưa thể được coi là hoàn chỉnh. Tuy nhiên, chính những hạn chế này đã thúc đẩy các cuộc tranh luận về triết học đạo đức sau này và ảnh hưởng sâu rộng đến các nhà triết học thế kỷ XX.

Tài liệu trích dẫn

1. Barton Schultz (2004). “Henry Sidgwick”. *The Stanford Encyclopedia of Philosophy* (Summer 2024 Edition), Edward N. Zalta & Uri Nodelman (eds.) (<https://plato.stanford.edu/archives/fall2024/entries/sidgwick/>)

2. Ben Eggleston, Dale E. Miller (editors) (2014). *The Cambridge Companion to Utilitarianism* (Cambridge Companions to Philosophy). Cambridge University Press, UK.

3. Harland B. Miller, William H. Williams (editors) (1982). *The Limits of Utilitarianism*, University of Minnesota Press, USA.

4. Henry Sidgwick (1962). *The Methods of Ethics* (the 7th edition). Toronto, Canada: Palgrave Macmillan.

5. Peter Singer (2016), Interview at NormativeEthics.com, hosted by archive.org. (<https://web.archive.org/web/20110714194546/http://www.normativeethics.com/interviews/singer.html>). Truy cập ngày 30/6/2024.